

PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở KHÔNG GIAN THIÊNG CỦA TỘC NGƯỜI THiểu SỐ: TRƯỜNG HỢP ĐỀN THÁP PÔ KLAONG GIRAI CỦA NGƯỜI CHĂM TỈNH NINH THUẬN

TS. Quảng Đại Tuyên
Trường Đại học Văn Lang
Email: tuyen.qd@vlu.edu.vn

Tóm tắt: Không gian thiêng rất quan trọng trong đời sống của người Chăm ở Việt Nam, đây là nơi trú ngụ của thần (Yang) và gắn với nhiều hoạt động tín ngưỡng. Ở Ninh Thuận, di sản văn hóa Chăm đã được chú trọng để phục vụ du lịch nhằm phát triển kinh tế địa phương, song du lịch tại không gian thiêng cũng có nhiều tác động đến văn hóa tộc người Chăm. Dựa trên dữ liệu thu thập từ năm 2009-2017, nghiên cứu này phân tích các vấn đề nảy sinh từ việc khai thác giá trị văn hóa Chăm ở nơi thiêng để phát triển du lịch. Theo đó, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan đã sáng tạo ra “tính xác thực” hay “sáng tạo truyền thống” văn hóa Chăm nhằm thỏa mãn kỳ vọng của du khách. Điều này đã làm sai lệch văn hóa, gây phản ứng từ cộng đồng Chăm khi nơi thiêng của họ bị xâm phạm quá mức. Do vậy, kết quả nghiên cứu đã nhấn mạnh sự tham gia của chủ thể để đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch tại nơi thiêng của tộc người thiểu số.

Từ khóa: Du lịch, tộc người thiểu số, không gian thiêng, văn hóa Chăm, Ninh Thuận.

Abstract: As the residence of the Yang God which associates with many spiritual activities, the sacred space plays a vital role in the community life of the Cham in Vietnam. In Ninh Thuan, Cham cultural heritage has been utilised in tourism to develop the local economy; however, tourism in sacred space also has many impacts on Cham culture. Based on data collected from 2009-2017, this study analyses problems arising from the exploitation of Cham culture in sacred spaces for tourism development. Accordingly, the local government and related departments created “authenticity” or “invented traditions” of the Cham culture to satisfy visitors’ expectations. This falsified the culture, causing reactions from the Cham community when their sacred place was excessively violated. Therefore, the research results emphasise subject participation to ensure the harmony between cultural heritage conservation and tourism development in sacred places of ethnic minorities.

Keywords: Tourism, ethnic minorities, sacred space, Cham culture, Ninh Thuan province.

Ngày nhận bài: 27/12/2021; ngày gửi phản biện: 31/12/2021; ngày duyệt đăng: 7/2/2022

Mở đầu

Không gian thiêng rất quan trọng đối với đời sống cộng đồng người Chăm ở Việt Nam, vì đó là nơi trú ngụ của thần (Yang) và gắn với nhiều hoạt động tín ngưỡng của tộc người. Vì thế, cộng đồng Chăm luôn tuân thủ luật tục của mình để bảo vệ tôn nghiêm không gian đó. Theo quan niệm truyền thống của người Chăm, nếu làm ảnh hưởng đến nơi tôn nghiêm thì cộng đồng sẽ nhận những tai ương do thần linh trừng phạt. Hệ thống các tháp Champa hiện nay ở miền Trung và Tây Nguyên vốn được xem là biểu tượng dân tộc và không gian thiêng mà người Chăm luôn bảo vệ.

Theo tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Ninh Thuận, dự kiến lượng khách đến tỉnh sẽ tăng bởi các chiến lược thu hút du khách. Cụ thể năm 2025 dự kiến đón khoảng 3,5 triệu lượt khách, bao gồm 12-13% khách quốc tế, doanh thu khoảng 2.900 tỷ đồng, đóng góp 13% GRDP (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận, 2018). Theo đó, văn hóa Chăm được ưu tiên bảo tồn để phục vụ du lịch, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng đồng bào Chăm. Do vậy, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL) tỉnh đã xây dựng đề án phát triển tour du lịch sinh thái và văn hóa, đặc biệt chú trọng đầu tư các điểm đến du lịch văn hóa Chăm (Phan Quốc Anh, 2012). Hiện nay, tỉnh Ninh Thuận đang triển khai các mục tiêu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Chăm. Ngoài việc tu bổ các di tích, tỉnh đã xây dựng hồ sơ khoa học cho làng gốm Bàu Trúc, lễ hội Katê, 3 tháp Chăm để đệ trình cho việc đề cử di sản đặc biệt của quốc gia, tiến tới trình lên UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại. Năm 2016, tháp Hòa Lai và tháp Po Klaong Girai được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt. Năm 2017, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận nghệ thuật làm gốm Bàu Trúc vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận chính thức được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Bên cạnh đó, tỉnh Ninh Thuận cũng đã gửi hồ sơ và tờ trình tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban UNESCO Việt Nam đề nghị UNESCO xét, công nhận quần thể tháp Chăm tại Ninh Thuận là di sản thế giới và lễ hội Katê của người Chăm tại tỉnh này là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Rõ ràng, văn hóa Chăm, bao gồm các đền tháp Chăm ở Ninh Thuận được xem là một nguồn tài nguyên quan trọng mà tỉnh Ninh Thuận đưa vào phát triển du lịch nhằm tạo ra giá trị kinh tế và cơ hội bảo tồn văn hóa. Song, quá trình phát triển du lịch tại không gian thiêng của cộng đồng Chăm cũng đang xảy ra những tác động tiêu cực đến văn hóa tộc người Chăm. Vì vậy, nghiên cứu này chủ yếu phân tích các vấn đề về tính xác thực đã nảy sinh trong quá trình khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa Chăm ở không gian thiêng để phục vụ cho du lịch. Thông qua đó, giúp cho chính quyền địa phương và ban ngành liên quan có những góc nhìn, hướng giải pháp phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc Chăm khi thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch.

1. Khái quát về địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Vốn là tinh cốt đông người Chăm sinh sống nên văn hóa của Ninh Thuận mang đậm màu sắc văn hóa dân tộc Chăm, thể hiện qua chữ viết, trang phục dân tộc, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, nghề gốm, dệt thổ cẩm,... Trong đó, nghệ thuật dân ca và múa Chăm đã trở thành di sản quý giá của nền văn hóa Việt Nam. Phong tục tập quán theo chế độ mẫu hệ của người Chăm vẫn được đồng bào lưu truyền đến ngày nay. Năm 2017, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia: “*Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm làng Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận*” và “*Lễ hội Katê của người Chăm tỉnh Ninh Thuận*”; công nhận di tích quốc gia đặc biệt đối với tháp Pô Klông Garai, tháp Hòa Lai. Đến tháng 8/2018, toàn tỉnh có 149 di sản văn hóa, trong đó 53 di sản đã được xếp hạng gồm: 2 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di tích cấp quốc gia, 2 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 35 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 2 di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận, 2019). Năm 2019, ngành VH TT & DL tỉnh Ninh Thuận tiếp tục nghiên cứu, làm rõ giá trị di tích tháp Hòa Lai và tháp Pô Klông Garai gắn với hệ thống tháp Chăm ở các tỉnh miền Trung để lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới. Đặc biệt, tỉnh đã phối hợp triển khai việc lập và trình UNESCO công nhận Lễ hội Katê là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Người Chăm ở Ninh Thuận hiện đang lưu giữ nền văn hóa đồ sộ và đặc sắc thông qua các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Để phát triển du lịch bền vững, việc hiện thực hóa du lịch tại không gian thiêng cần được chú trọng nhằm đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển kinh tế. Song, chiến lược du lịch của tỉnh chưa đưa ra kế hoạch đánh giá các tác động của phát triển du lịch trong tương lai đối với cộng đồng Chăm, đặc biệt là tác động lên không gian thiêng mà cộng đồng Chăm đang thực hành tâm linh. Vì thế, ngôi đền thiêng Po Klaong Girai ở Ninh Thuận được chọn làm trường hợp nghiên cứu để phân tích những khía cạnh tác động đến văn hóa Chăm và sự phản ứng của chính cộng đồng chủ thể. Ngôi đền hay còn gọi là tháp Po Klaong Girai được xem là một không gian thiêng liêng của người Chăm ở Ninh Thuận. Theo nhiều nhà nghiên cứu, ngôi đền này được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV bởi vua Chế Mân (vua Jaya Shihavaman III - người trị vì Chiêm Thành năm 1288-1307) (Shaklikei, 2016). Đền tháp Po Klaong Girai giữ vai trò thiêng nhất của người Chăm không chỉ vì đây là nơi thờ phượng vị vua anh minh của dân tộc mà còn là biểu tượng và gắn liền với nhiều hoạt động tâm linh của cộng đồng người Chăm. Hàng năm, nơi đây diễn ra nhiều sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào, đồng thời cũng là nơi thu hút khách thập phương đến tham dự lễ hội, nhất là lễ hội Katê diễn ra vào tháng 7 (lịch của người Chăm).

Nghiên cứu này áp dụng cách tiếp cận định tính nhằm đạt được sự hiểu biết sâu về trải nghiệm cá nhân và diễn giải cá nhân, cũng như hành vi, cảm xúc của người dân địa phương trong bối cảnh phát triển du lịch ở ngôi đền thiêng của họ. Nghiên cứu đã sử dụng phương

pháp quan sát tham dự, phỏng vấn bán cấu trúc (31 người) và thảo luận nhóm (3 nhóm) với số lượng cụ thể và được mã hóa như sau (xem Bảng 1).

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia phỏng vấn

STT	Nhóm người được phỏng vấn	Mã phỏng vấn	Số lượng (31)	Thảo luận nhóm (8)	Ngôn ngữ sử dụng phỏng vấn
1	Chuyên gia	Orang_Ka00	7	2	Tiếng Chăm
2	Chức sắc	Orang_Gu00	4	2	Tiếng Chăm
3	Bô lão	Orang-Ta00	3	2	Tiếng Chăm
4	Giới trẻ	Orang_De00	8	2	Tiếng Chăm
5	Chính quyền địa phương	Orang_Gov00	6	0	Tiếng Việt
6	Phụ nữ	Orang_Ku00	3	0	Tiếng Chăm

Nguồn: Tổng hợp tư liệu của tác giả (năm 2018)

Nhìn chung, đối tượng phỏng vấn trên đều có mối liên hệ mật thiết với ngôi đền tháp Po Klaong Girai ở các khía cạnh: quản lý nhà nước (Chính quyền địa phương, Ban quản lý di tích, chuyên gia), liên hệ về thực hành tâm linh (Chức sắc, bô lão, nhà nghiên cứu văn hóa, giới trẻ, phụ nữ...). Do là thành viên trong cộng đồng Chăm nên họ luôn gắn kết với các đền tháp Chăm dù khoảng cách địa lý gần hay xa. Vì thế, đối tượng phỏng vấn cũng chính là những thành viên trong cộng đồng Chăm thuộc các làng khác nhau ở tỉnh Ninh Thuận.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nhà xã hội học người Pháp Emile Durkheim định nghĩa sự thiêng liêng là “một lĩnh vực tôn giáo giúp chúng ta giải thích ý nghĩa cơ bản của sự tồn tại”. Những đặc điểm thiêng liêng có liên quan đến tư tưởng tôn giáo như tín ngưỡng, thần thoại, tín điều, truyền thuyết. Theo ông, những đặc điểm thiêng liêng không chỉ linh hồn và thần thánh, mà còn là các hiện tượng tự nhiên như núi, sông, đá, cây cối; nghi thức cũng ngụ ý một mức độ linh thiêng (Durkheim, 1915). Berger (2011) cho rằng, sự thiêng liêng tỏa ra một sức mạnh bí ẩn, riêng biệt nhưng được kết nối với con người và trú ngụ trong một số đối tượng nhất định. Sự thiêng liêng không nằm riêng lẻ trong những giây phút thờ phụng, nhưng được thể hiện trong các hoạt động hàng ngày. Không gian linh thiêng là nơi ở của các linh hồn nên có những quy định việc ra vào và hạn chế các hành vi xâm phạm, do sự thánh thiện bao hàm sự tôn trọng thể hiện giới hạn đối với các hành vi liên kết những người tham gia với tổ tiên, thần thánh hoặc linh hồn (Carmichael, 1994, p.3; Hubert, 1994, p.11). Bên cạnh đó, Hubert cũng cho rằng, bản chất của cái thiêng được xác định bởi ý nghĩa tôn giáo cũng như vị trí của nó trong lịch sử hoặc chính trị. Mặc dù các địa điểm linh thiêng có những quy tắc chung về tôn trọng và nghiêm cấm các hành vi, nhưng bản thân bản chất của các địa điểm linh thiêng có thể rất

khác nhau (Hubert, 1994, p. 11). Hubert cũng chứng minh các vấn đề xảy ra như thế nào ở những nơi linh thiêng thông qua các cuộc xung đột giữa các nhà khảo cổ học và các tổ chức liên quan đến nghiên cứu hoặc quản lý các nơi linh thiêng với người dân địa phương, vì người ngoài không thể nhận ra sự linh thiêng của các địa điểm mà họ đã làm xáo trộn (Hubert, 1994, p. 11).

Tính xác thực hay chân thực (*authenticity*) đóng một vai trò thiết yếu trong việc tìm hiểu lĩnh vực di sản văn hóa và du lịch. Các học giả đã quan tâm đến tính xác thực của các đối tượng, địa điểm, các buổi biểu diễn văn hóa và các thực hành khác như một khía cạnh quan trọng của điểm đến di sản. Sharpley (1994, p.130) định nghĩa tính xác thực là “nguồn gốc và văn hóa truyền thống, một cảm giác về cái chân thực, cái thực hay cái độc nhất”. Theo nghĩa này, tính xác thực được tạo ra bởi các cộng đồng địa phương dựa trên phong tục và truyền thống của họ. Tuy nhiên, Cohen (1988) lại lập luận rằng, tính xác thực là yếu tố động và có thể thương lượng được (*negotiated*), do đó nhận thức về tính xác thực là khác nhau.

Du lịch di sản tại các địa điểm linh thiêng đang trở thành một hướng thu hút du lịch của thị trường ngách (Shackley, 2001; Timothy, 2014). Du lịch di sản có thể thúc đẩy việc bảo tồn văn hóa tại các nơi tâm linh bằng cách tạo ra giá trị kinh tế, đồng thời cho phép các cộng đồng tiếp tục sử dụng nơi tâm linh đó cho những hoạt động tôn giáo (Shackley, 2001). Tuy nhiên, khách du lịch cũng có thể làm gián đoạn các hoạt động tôn giáo địa phương và trần tục hóa các không gian linh thiêng (Carmichael, Hubert, Reeves, & Schanche, 1992; Sarmiento & Hitchner, 2017). Các hoạt động không phù hợp do du khách thực hiện và sự phát triển thương mại liên quan có thể làm cho vấn đề trở nên tồi tệ hơn (Du Cros & McKercher, 2005). Tóm lại, các học giả đã phê bình các hoạt động du lịch làm tổn hại đến nền văn hóa của chủ thể bằng cách làm thay đổi hoặc phá hủy tính xác thực của truyền thống văn hóa (Greenwood, 1989; Johnston, 2006; Tilley, 1997; Timothy & Nyaupane, 2009; Timothy & Prideaux, 2004). Trong khi đó, theo một số học giả thì hàng hóa hóa không phải lúc nào cũng làm giảm tính xác thực hoặc dẫn đến hệ quả tiêu cực (Cohen, 1988; Cole, 2007; Tilley, 1997).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề trong phát triển du lịch không gian thiêng ở tháp Po Klaong Girai

Tại các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa và Bình Thuận hiện nay, nhiều sản phẩm văn hóa Chăm đã được sáng tạo ra theo đề xuất của chính quyền địa phương để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Điều này đã tạo ra một màn trình diễn không thực sự chân thực từ góc nhìn của cộng đồng người Chăm tại chỗ. Những khách du lịch dù trong nước hay quốc tế sẽ không biết sự khác biệt và có thể bị hiểu nhầm về tính xác thực của văn hóa người Chăm.

Ở Ninh Thuận, chính quyền địa phương đã và đang tiếp tục nỗ lực phát triển du lịch của tỉnh, đặc biệt khi di sản văn hóa Chăm là nguồn lực chính thu hút du khách. Theo đó, chính quyền đã thực hiện nhiều chính sách để bảo vệ và bảo tồn các đền tháp Chăm nhằm

mục đích phát triển du lịch. Nhìn chung, cộng đồng người Chăm đánh giá cao vai trò và những nỗ lực bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Chăm của chính quyền. Tuy nhiên, nhiều vấn đề tiêu cực đã nảy sinh trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển du lịch tại nơi thiêng của người Chăm. Cụ thể, có một số vấn đề tiêu cực chính được xác định như sau (xem Bảng 2).

Bảng 2: Thực trạng phát triển du lịch ở nơi thiêng của người Chăm Ninh Thuận

Vấn đề	Diễn giải
Cho phép trình diễn lễ đầu năm trên đền tháp	Lễ tục đầu năm trên tháp đã đi ngược với truyền thống văn hóa Chăm về không gian, thời gian, chủ lễ và ý nghĩa. Trình diễn lễ tục trên đền tháp đã làm xáo trộn tính chất linh thiêng.
Mở cửa tháp quanh năm để phục vụ khách du lịch, kể cả những ngày kiêng kỵ	Ngôi đền tháp thiêng là nơi trú ngụ của thần linh, việc mở cửa chỉ được thực hiện 4 lần/năm qua 4 lễ lớn của người Chăm. Ngày nay, ngôi tháp chính kalan đã phải mở cửa quanh năm, kể cả những ngày kiêng kỵ và ngày xấu trong văn hóa Chăm.
Hành vi ứng xử không phù hợp của khách du lịch	Vì là nơi thiêng bậc nhất của người Chăm nên người Chăm khi lên đây không dám có những hành vi không hay trên tháp. Tuy nhiên, khi khách du lịch được phép lên đây đã có nhiều hành động không tôn trọng nơi thiêng liêng này. Thậm chí, người địa phương (cộng đồng Kinh) đã xem nơi đây giống công viên để tập thể dục.
Cho phép sử dụng nhang	Văn hóa Chăm không sử dụng nhang và cũng là cấm kỵ. Song, khách du lịch được phép sử dụng nhang trong ngôi đền chính Kalan. Điều này gây phản ứng dữ dội của cộng đồng Chăm.
Cho tổ chức các lớp học võ trong không gian tháp	Tháp là nơi yên tĩnh nhưng Ban quản lý cho thuê địa điểm để các lớp tổ chức học võ thuật. Cộng đồng Chăm đã phản ứng rất nhiều về việc thiếu tôn trọng không gian thiêng này.
Hàng trăm biển quảng cáo treo khắp nơi để quảng bá sản phẩm kinh doanh của các công ty	Thay đổi cảnh quan văn hóa của đền tháp.
Tổ chức tiệc	Ban quản lý đã tiến hành đón tiếp đoàn tham quan và tổ chức ăn uống trong không gian thiêng. Thông qua livestream trên facebook, cộng đồng Chăm đã phản ứng kịch liệt để lên án sự xâm phạm này.
Tự ý xây chốt dừng chân ở chân tháp	Không chỉ vi phạm Luật di sản đối với di tích quốc gia đặc biệt mà làm biến đổi cảnh quan văn hóa của ngôi đền thiêng. Do phản ứng

	của cộng đồng Chăm, Ban quản lý di tích đã phải dỡ chốt đi.
Không chia sẻ lợi ích kinh tế cho cộng đồng chủ thể	Tiền thu được từ bán vé chỉ để phục vụ việc trả lương cho hệ thống quản lý nhà nước tại đây và đưa vào ngân sách Nhà nước. Trong khi cộng đồng Chăm, đặc biệt chức sắc tôn giáo Balamon không có bất cứ một sự hỗ trợ nào.
Không tham vấn từ cộng đồng	Ban quản lý di tích tự ý thực hiện, triển khai các hoạt động du lịch trên tháp mà không quan tâm tham vấn từ cộng đồng chủ thể đang thực hành tâm linh. Điều này khiến cho cộng đồng bất bình với những hệ quả mà Ban quản lý đã làm.

Nguồn: Tổng hợp kết quả nghiên cứu của tác giả năm 2019

Dưới đây là kết quả phân tích một vấn đề tiêu cực liên quan đến tính xác thực và hàng hóa hóa trong phát triển du lịch tại nơi thiêng của cộng đồng Chăm ở Ninh Thuận, đó là việc trình diễn lễ tục đầu năm Rija Nâgar trên đền tháp Po Klaong Girai để phục vụ khách tham quan vào dịp tết Nguyên đán năm 2017. Sau đó, cộng đồng Chăm đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ, nhất là chức sắc Chăm Balamôn khi việc thực hiện trình diễn lễ tục này không có sự tham vấn của họ. Tại sao việc trình diễn này bị phản ứng dữ dội và điều đó có mối liên hệ nào đến tính xác thực trong văn hóa? Phân phân tích dưới đây được bắt đầu từ quan niệm truyền thống Chăm.

3.2. Quan niệm truyền thống của người Chăm về lễ tục, không gian, thời gian, ý nghĩa và chủ lễ

Theo truyền thống, các ngôi đền tháp chỉ được phép mở cửa khi các chức sắc Balamôn (Ahier) làm lễ xin phép mở cửa. Nếu không, cửa của các ngôi đền vẫn đóng. Để mở cửa các ngôi đền, các nghi lễ cụ thể phải được thực hiện bởi bốn chức sắc quan trọng trong tôn giáo Chăm Balamôn: *Po Adhia, Ong Kadhar, Ong Camânei và Muk Pajuw*. Sau khi Po Adhia thực hiện nghi lễ trong khuôn viên của ngôi đền tháp, Ong Camânei và Po Adhia thực hiện nghi thức vẩy nước lên tượng thần Shiva (Şiva) và Ong Kadhar hát bài tụng ca trước ngôi đền chính Kalan. Muk Pajuw và Ong Camânei thực hiện nghi lễ tẩy uế và mặc trang phục cho vị thần Po Klaong Girai bên trong Kalan (Sakaya, 2003). Các nghi lễ liên quan đến các vị thần, hệ thống chức sắc và các loại hình biểu diễn, tâm linh và tôn giáo luôn đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội của người Chăm. Tôn giáo và tâm linh chi phối hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội và văn hóa của người Chăm. Theo lịch Chăm Sakawi, người Chăm chọn ngày lành tháng tốt để cúng thần linh, tiến hành các nghi lễ và lễ hội hàng năm. Các hoạt động liên quan đến các nghi lễ của người Chăm tiếp tục diễn ra quanh năm, không chỉ ở lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt xã hội mà cả tín ngưỡng, tôn giáo (Phan Xuân Biên và cộng sự, 1991; Phan Văn Dốp và cộng sự, 2014). Vì vậy, việc hiểu rõ về ngày tốt, tháng tốt, năm

không nhuận, năm nhuận, ngày kiêng kỵ đòi hỏi người Chăm phải tuân theo thời gian chính xác của lịch Chăm Sakawi (Sakaya, 2016).

Người Chăm có 4 công lễ quan trọng diễn ra trên các ngôi đền tháp trong năm Chăm lịch, bao gồm: *Yuer Yang* vào tháng Tư, *Katê* vào tháng Bảy, *Cambur* vào tháng Chín và *Peh Pabah Mbeng Yang* vào tháng Mười một. Tất cả đều có chung một ý nghĩa là mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và sự sống sinh sôi. Các nghi lễ được tiến hành theo một trình tự nhất định theo cấu trúc của lịch Chăm Sakawi (Phan Văn Dốp và cộng sự, 2014; Sakaya, 2003). Bên cạnh tín ngưỡng đa thần (Po Yang Cek, Po Yang Tasik, Po Riyak, Po Bhum, Yang Sri) và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên (Muk Kei), người Chăm còn tiếp nhận nhiều nhân vật tôn kính từ Islam giáo và biến họ thành các vị thần gọi là Yang Biruw (các vị thần mới), chẳng hạn như Po Kuk Ulahuk, Po Awluah (Allah), Mohamat, Ali, Fatimah, Ibrahim, Po Tang Ahaok. Những vị thần mới này được người Chăm tôn vinh song song với các vị thần truyền thống. Các tập tục thờ cúng của người Chăm có thể có những nghi thức giống nhau, nhưng chúng luôn được sắp xếp thành hai hệ thống thần. Dưới đây là lý do tại sao việc thực hiện nghi lễ Rija Nâgar là không phù hợp ở đền thờ.

Các vị thần “Yang Klak” hay Yang Bimong (các vị thần ở đền thờ) là hệ thống thần linh lâu đời chịu ảnh hưởng của Bàlamôn giáo trước khi Islam giáo xuất hiện. Hệ thống các thần Yang Klak được thờ cúng tại những ngôi đền và trong các tộc họ vào các dịp lễ Katê, Cambur, Yuer Yang, Peh Pambeng Yang và những nghi lễ Puis hoặc Payak tại các gia đình tộc họ. Các vị vua, nam thần, nữ thần trong tín ngưỡng dân gian, như Po Yang Ama, Po Inâ Nâgar là những vị thần có nguồn gốc từ các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa ngày nay. Các nghi lễ tại các ngôi đền tháp được dẫn dắt bởi các Po Adhia - Ong Kadhar - Muk Pajuw, trong khi những lễ tục tại làng và gia đình được thực hiện bởi các Ong Kadhar và Muk Pajuw.

Các vị thần ‘Yang Biruw’ bao gồm hệ thống các vị thần mới có mối liên hệ với Islam giáo. Các vị thần Yang Biruw được thờ cúng thông qua những nghi lễ Rija, gồm Rija Nâgar, Rija Harei, Rija Dayap, Rija Praong đều chịu ảnh hưởng Islam giáo xuất xứ từ Malaysia. Trong khi việc thờ cúng thần Yang Biruw chỉ diễn ra tại các làng, trong các gia đình và chủ yếu do Ong Maduer làm chủ lễ, thì trong các nghi lễ Rija, một phần lễ vật luôn có một khay gà nướng, một hộp cơm, một quả trứng, một chai rượu để dâng lên Po Bin Nâthuer - vị thần quan trọng của tôn giáo Bani (Awal) và cũng là người đứng đầu các vị thần Yang Biruw.

Một điểm quan trọng là hệ thống nghi lễ Rija không bao giờ được phép tiến hành tại các ngôi đền tháp vốn mang dấu ấn ảnh hưởng của Bàlamôn giáo. Trong khi, các chức sắc Ong Maduer là đại diện của hệ thống Yang Biruw - ảnh hưởng của Islam. Ngoài ra, Ong Maduer và Muk Rija chỉ thực hiện các nghi lễ trong làng, thị tộc và gia đình, không được thực hiện tại các đền tháp (xem Bảng 3 & 4).

Bảng 3: Phân loại các nghi lễ, không gian nghi lễ và hệ thống thần linh của người Chăm

Một số lễ tục chính	Không gian lễ		Hệ thống thần điện		Chủ lễ
	Đền tháp	Làng	Vị thần thuộc Yang Klak	Vị thần thuộc Yang Biruw	
Lễ hội Katê	x	x	x		Pasaih Kadhar
Lễ tục năm mới Rija Nâgar		x	x	x	Kadhar, Maduen, Acar
Hệ thống lễ tục Rija (Harei, Dayap, Praong)		x	x	x	Kadhar, Maduen, Acar

Nguồn: Tổng hợp tư liệu của tác giả năm 2019

Bảng 4: Phân loại vai trò chức sắc và không gian thực hành lễ tục

Hệ thống chức sắc	Cộng đồng tôn giáo	Không gian tổ chức lễ tục		Diễn giải
		Đền tháp	Làng	
Kadhar	Chăm Ahier (Bàlamôn) Chăm Awal (Hội giáo cũ)	x	x	Cho phép thực hiện các nghi lễ tại gia đình Awal và Ahier
Pasaih	Chăm Ahier (Bàlamôn)	x	x	Không được thực hiện các nghi lễ tại cộng đồng Awal
Maduen	Chăm Ahier (Bàlamôn) Chăm Awal (Hội giáo cũ)		x	Không được phép thực hiện các nghi lễ tại các đền tháp Bàlamôn
Acar	Chăm Awal (Hội giáo cũ)		x	Không được phép thực hiện các nghi lễ tại các đền tháp Bàlamôn

Nguồn: Tổng hợp tư liệu của tác giả năm 2019

Ngày nay, trong khi nhiều yếu tố của di sản văn hóa Chăm đã được các cơ quan quản lý di sản phát huy thành các sản phẩm văn hóa để quảng bá phát triển du lịch thì những vấn đề hạn chế không mong muốn cũng đồng thời xảy ra. Điều này dẫn đến sự phản ứng, tranh chấp giữa người Chăm và Ban quản lý di tích do ít hiểu biết về văn hóa Chăm, nhất là thiếu sự tham gia của cộng đồng trong quản lý di sản. Sau đây là ví dụ về việc thực hiện nghi lễ Rija Nâgar như một chiến lược của chính quyền địa phương nhằm thu hút khách du lịch nhưng lại không phù hợp với văn hóa tâm linh của người Chăm.

3.3. Góc nhìn của cộng đồng Chăm về trình diễn lễ tết năm mới ở không gian đền tháp

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, cộng đồng người Chăm đã phản ứng về lễ tục truyền thống bị biến thành các buổi biểu diễn trên không gian đền tháp để phục vụ du khách. Trong khi, cộng đồng lại ủng hộ việc phát huy di sản văn hóa Chăm sao cho phù hợp với bối cảnh không gian thiêng này. Họ ủng hộ trình diễn lễ tục ở dưới chân tháp để không xâm phạm không gian thiêng trên đồi tháp. Do lễ tục Rija Nâgar năm mới của người Chăm gắn liền với quần thể đền tháp trong hệ thống tôn giáo Chăm nên hầu hết mọi người đều phản đối về việc mang lễ tục này trình diễn trên đồi tháp cho du khách. Ở đây cần lưu ý rằng, các điệu múa gắn với Rija Nâgar không giống như những điệu múa biểu diễn vào những ngày bình thường. Song, Ban quản lý di tích Chăm từng đề nghị các chức sắc Chăm tổ chức trình diễn lễ Rija Nâgar tại đền tháp vào ngày thường, vì họ coi những màn trình diễn tôn giáo này rất thú vị về bản sắc văn hóa và cần phát huy để giới thiệu đến khách du lịch. Đề nghị này đã bị Hội đồng Chức sắc Chăm Balamôn từ chối: *“Việc khai thác các nghi lễ tục dân gian tại đền tháp để phục vụ du lịch là không thể chấp nhận được. Ban quản lý di tích đã yêu cầu chúng tôi trình diễn lễ tục đầu năm này trong khuôn viên đền tháp vào những ngày bình thường để phục vụ khách du lịch. Chắc hẳn không một người Chăm nào dám múa, đánh nhạc hay nấu đồ ăn phục vụ du khách trên đó. Vì truyền thống của chúng tôi không được phép làm điều đó. Nếu chúng tôi làm vậy, các vị thần sẽ trừng phạt chúng tôi”* (Orang_Ta002).

Những cuộc trò chuyện với các nhà quản lý di sản địa phương cho thấy, tuy công tác trong Ban quản lý di sản văn hóa Chăm nhưng nhiều người lại thiếu hiểu biết về văn hóa Chăm. Họ không phân biệt được giữa hệ thống thần linh cũ và mới, hệ thống chức sắc của lễ tục đầu năm và không hiểu về sự khác biệt giữa các hệ thống nghi lễ trong không gian làng (palei) và trên các đền tháp Chăm. Một cộng tác viên trong nghiên cứu này đã chia sẻ: *“Mang lễ tục đầu năm trình diễn trên đền tháp để phục vụ cho khách du lịch là hoàn toàn sai trong văn hóa của chúng ta. Vì sao họ dám làm vậy? Xem nhé, chắc sắc Maduen là một hệ thống tín ngưỡng khác của người Chăm. Làm sao các thầy tu Maduen có thể dám làm lễ ở đền tháp vốn mang ảnh hưởng của tôn giáo Balamôn? Ai cho phép điều này?”* (Orang_Ka002).

Mặc dù, những người trình diễn lễ tục này chỉ là các nghệ sĩ thuộc Đoàn nghệ thuật dân gian Chăm Ninh Thuận chứ không phải là chức sắc dân gian, song cộng đồng Chăm cho rằng cách làm đó vẫn xâm phạm không gian thiêng trên đền tháp. Nhiều người Chăm và

những người hiểu biết về văn hóa Chăm đã phản ứng gay gắt về vấn đề này. Một chức sắc Chăm Ahier phản ánh: *“Họ không biết văn hóa Chăm. Tôi rất ngạc nhiên và bị sốc khi họ [chính quyền địa phương] cho phép thực hiện nghi lễ Rija để phục vụ du lịch tại đền tháp Po Klaong Girai. Họ không hỏi chúng tôi nên hay không nên tổ chức lễ này trên tháp này. Họ không biết có sự khác biệt nào giữa các nghi lễ ở đền tháp và hệ thống nghi lễ Rija ở mỗi làng palei và tộc họ. Tại sao họ lại mang lễ Rija Nâgar lên trên tháp này trình diễn phục vụ khách du lịch? Với tôi đây là xâm phạm văn hóa và nơi thiêng. Ở đây, họ đã thực hiện một nghi lễ thiêng liêng chỉ được phép diễn ra trong làng do chức sắc Maduen thực hiện. Hệ thống chức sắc này không liên quan đến tôn giáo Balamôn”* (Orang_Gu001).

Theo các trí thức người Chăm, vấn đề chính ở đây là những người quản lý di sản không hiểu về văn hóa và triết lý văn hóa truyền thống của người Chăm nên đã phát huy sai lầm: *“Các vị thần của người Chăm được phân thành hai nhóm: thần cũ (Yang Klak) và thần mới (Yang Biruw). Việc trình diễn âm nhạc và múa rất phổ biến trong các nghi lễ như Rija Harei, Rija Praong, Rija Dayap và Rija Nâgar, nhưng nó không phải ở không gian đền tháp. Các chức sắc Maduen và bà bóng Muk Rija chỉ có thể tiến hành các lễ tục này tại các không gian dòng họ và làng. Nếu họ không hiểu điều đó, họ sẽ làm sai lầm nữa”* (Orang_Ka001).

Một số thành viên trẻ của cộng đồng Chăm đã phản ánh: *“Thực hiện các nghi lễ không phù hợp tại nơi thiêng liêng này đã thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với cộng đồng người Chăm. Họ nên làm việc đó tại không gian làng và tộc họ hoặc ở dưới chân tháp nhưng phải sắp xếp thời gian làm sao cho phù hợp với lịch pháp và văn hóa Chăm. Vì nơi thiêng này là đền thờ vua Po Klaong Girai mà mọi người Chăm đều tôn kính và thờ phụng. Điều quan trọng là chính quyền cần hiểu được vấn đề cốt lõi về ý nghĩa truyền thống văn hóa của người Chăm. Đó là nơi an nghỉ của Vua để không bị quấy rầy. Rõ ràng, họ không hiểu về điều đó nên đã làm sai”* (Orang_De005).

Những chia sẻ trên chứng tỏ các thành viên cộng đồng Chăm mong muốn có những giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề này. Họ đã đề xuất một loạt các địa điểm thay thế thích hợp để thực hiện các nghi lễ, điệu múa và âm nhạc cho khách du lịch, vì họ cũng muốn giới thiệu, quảng bá văn hóa Chăm với du khách. Như vậy, chìa khóa quan trọng chính là sự tham vấn, hợp tác đầy đủ giữa các cơ quan quản lý di sản và các thành viên cộng đồng Chăm. Với mục tiêu thu hút nhiều khách du lịch hơn, các cơ quan quản lý di sản đã khai thác lễ tục Chăm như một sản phẩm để du khách trải nghiệm, song việc làm này lại mâu thuẫn với quan niệm của người Chăm về nghi lễ, thần linh và thầy cúng. Chúng ta có thể thấy ý định tốt của các cấp chính quyền địa phương nhằm quảng bá di sản văn hóa Chăm, nhưng chưa thực sự phù hợp do ít hiểu biết về văn hóa Chăm và thiếu phối hợp với cộng đồng người Chăm.

Phản hồi của các thành viên trong cộng đồng Chăm hầu như chỉ trích việc thực hiện lễ tục năm mới Rija Nâgar tại các quần thể đền - tháp, bởi vì Ban quản lý di tích Chăm đã biến nó thành một món hàng phục vụ khách du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các thành viên cộng đồng Chăm sẵn sàng đề xuất một loạt lựa chọn thay thế để phục vụ thị trường khách du

lịch. Nói cách khác, họ không hoàn toàn phản đối việc biến di sản văn hóa Chăm thành hàng hóa cho du lịch, mà chỉ phản đối việc đưa các nghi lễ tôn giáo Chăm không phù hợp với đền tháp thiêng như một thứ hàng hóa chỉ nhằm phục vụ du khách. Các buổi trình diễn lễ tục, múa, âm nhạc truyền thống ở một không gian phù hợp để đáp ứng nhu cầu trải nghiệm văn hóa Chăm của khách du lịch là những đề xuất mà các thành viên cộng đồng ủng hộ. Vì họ cũng muốn bày tỏ niềm tự hào về nền văn hóa của mình và mong muốn quảng bá giá trị di sản văn hóa đó đến với du khách. Như vậy, để cải thiện tình hình, chìa khóa đơn giản là tham vấn đầy đủ với chức sắc và trí thức của cộng đồng Chăm, hợp tác có trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý di sản và các thành viên cộng đồng Chăm. Chính quyền địa phương tuy có ý định tốt nhằm thúc đẩy sự hiểu biết về di sản văn hóa Chăm đến với du khách, nhưng do thiếu chuyên môn về văn hóa Chăm, thiếu hiểu biết về các tôn giáo Chăm nên kết quả đáng tiếc là nhằm thu hút nhiều khách du lịch hơn, chính quyền địa phương đã khai thác các nghi lễ tôn giáo Chăm như một sản phẩm du lịch, từ đó xâm phạm không gian thiêng của người Chăm theo góc nhìn đa chiều của các thành viên trong cộng đồng Chăm. Nghiên cứu này chỉ ra rằng, mục tiêu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Chăm của chính quyền địa phương chỉ tập trung vào nhu cầu của du khách, chứ chưa phải phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng trong việc kết nối với nơi thiêng của họ. Như vậy, có 3 vấn đề: (1) Người Chăm có phản ứng tiêu cực đối với việc trình diễn lễ tục đầu năm Rija Nâgar cho du khách trên không gian thiêng của họ; (2) Sự thiếu hiểu biết của Ban quản lý di sản về văn hóa Chăm và thiếu hợp tác với các bên liên quan; (3) Người Chăm phản ứng quyết liệt vì họ không muốn văn hóa Chăm bị làm sai lệch, nhưng họ cũng thể hiện tinh thần muốn phát huy giá trị di sản văn hóa của mình nên đã liên tục đưa các đề xuất khắc phục những bất cập trên.

4. Thảo luận

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, văn hóa của một tộc người có thể bị tàn phá và trở nên không còn chân thực khi bị biến thành các sản phẩm để quảng bá du lịch (Greenwood, 1989). Kết quả của nghiên cứu này tương đồng với quan điểm rằng, một khi di sản văn hóa của một tộc người bị biến thành hàng hóa, nhiều tác động xấu có thể xảy ra đối với nền văn hóa của tộc người đó và có thể bị mất tính xác thực (Greenwood, 1989; Johnston, 2006; Timothy & Nyaupane, 2009). Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy, bằng cách hưởng lợi từ du lịch, cộng đồng địa phương sẽ được khuyến khích bảo tồn văn hóa truyền thống của họ cho các thế hệ sau (Cohen, 1988; Cole, 2007; Tilley, 1997). Những thay đổi tích cực đối với cộng đồng địa phương có thể là kết quả của các thực hành quản lý có trách nhiệm và tổng thể (Bruner, 1991; Medina, 2003;...).

Lễ tục Rija Nâgar của người Chăm là ví dụ về một nghi lễ bị biến thành hàng hóa được trình diễn tại đền Po Klaong Girai nhằm thu hút du khách. Như đã giải thích, việc thực hiện lễ Rija Nâgar cho khách du lịch tại các không gian thiêng đều gây mâu thuẫn về thời gian, không gian, vai trò chức sắc, mục đích và ý nghĩa tồn tại của nghi lễ. Lễ năm mới Rija Nâgar đang được sử dụng trong trường hợp này như một phương tiện để phát triển kinh tế hơn là phục vụ nhu cầu tâm linh của cộng đồng Chăm. Nghiên cứu này cho thấy, người Chăm

không đồng tình với việc thực hiện các nghi lễ thiêng liêng của họ chỉ để phục vụ du khách đến tham quan đền tháp. Thay vào đó, người Chăm đã đề xuất biểu diễn các điệu múa, âm nhạc cho khách du lịch ở dưới chân tháp như một cách thể hiện bản sắc văn hóa Chăm đến với du khách. Bởi vì hiện nay, Ban quản lý di tích Chăm đang biến ngôi đền thiêng của người Chăm thành sân khấu để thực hiện các nghi lễ linh thiêng phục vụ du khách, do đó vô tình xâm phạm và có thể phá hủy không gian linh thiêng, làm xói mòn văn hóa truyền thống của người dân địa phương. MacCannel (1973) lập luận rằng, người dân địa phương có thể sử dụng “*tính xác thực được dàn dựng*” (staged authenticity) như một công cụ nhằm giảm thiểu khía cạnh tiêu cực của việc sử dụng văn hóa để phát triển du lịch, tạo ra sự bình đẳng giữa chủ thể và du khách. Ngược lại, kết quả nghiên cứu trên đã cho thấy, hoạt động bảo tồn và phát huy di sản Chăm ở tình huống này chỉ để thu hút khách du lịch và sâu xa là tạo ra giá trị kinh tế hơn so với kỳ vọng của cộng đồng Chăm về bảo tồn giá trị văn hóa. Điều đó khiến mâu thuẫn có thể tiếp tục nảy sinh trong tương lai, vì ngôi đền tháp Po Klaong Girai vẫn được người Chăm thờ phụng và diễn ra lễ tục truyền thống hàng năm. Rõ ràng, ngoài mục đích tạo ra lợi ích kinh tế, cơ quan quản lý di sản đã hiểu nhầm rằng nghi lễ Rija Nâgar chỉ đơn giản là một cách thể hiện bản sắc văn hóa của người Chăm, vì thế cần được biểu diễn tại đền tháp để khách du lịch có trải nghiệm về phong tục của người Chăm. Hệ quả của việc phát huy theo hình thức này đã khiến du khách có nhận thức sai lệch về văn hóa Chăm và sâu xa hơn là cả thế hệ trẻ người Chăm cũng hiểu lầm.

Việc biến di sản văn hóa thành “hàng hóa” để đáp ứng nhu cầu của du khách không phải là vấn đề duy nhất đối với cộng đồng Chăm. Vấn đề này có thể thấy ở những nơi khác thuộc Châu Á - Thái Bình Dương, như các buổi biểu diễn nghi lễ ở Vanuatu (Tilley, 1997); các buổi biểu diễn đám cưới truyền thống ở Trung Quốc (Wang, 1999); biểu diễn Cồng chiêng ở Việt Nam (Salemink, 2013);... Các hoạt động biểu diễn di sản ấy thường được tách rời khỏi địa điểm truyền thống của chúng và trở thành không gian mới để phục vụ khách du lịch đến tham quan (Salemink, 2013; 2016), tuy vậy vẫn khiến khách du lịch cảm giác rằng họ đã xem một trải nghiệm chân thực về nền văn hóa đó.

Di sản văn hóa có thể được tạo ra, tái cấu trúc và thay đổi để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng mà nó thuộc về (Poulios, 2014; Smith, 2006; Wijesuriya, 2014). Trong trường hợp này, tính xác thực của di sản văn hóa Chăm có ý nghĩa đối với chính cộng đồng Chăm khi họ thay đổi di sản để phù hợp với bối cảnh lịch sử - văn hóa xã hội mới. Song, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, sự thay đổi có thể bị coi là không xác thực nếu di sản bị sử dụng sai, thực hành sai hoặc hiểu sai. Vì thế, việc phát huy di sản được thực hiện bởi Ban quản lý di tích Chăm đã không phản ánh đúng văn hóa truyền thống nên đã bị chính cộng đồng Chăm phản đối. Thật vậy, qua nghiên cứu này cho thấy, người Chăm rất quan tâm các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc mình. Họ thường chủ động đề thích nghi với những điều kiện thay đổi văn hóa phù hợp với bối cảnh cụ thể. Ví dụ, người Chăm đã phát huy giá trị của lễ Katê như một lễ hội, điều chỉnh trang phục truyền thống, bổ sung các lễ vật mới nhưng phù hợp, thậm chí sửa đổi các yếu tố của nghi lễ truyền thống,... Song, họ cực lực

phản đối những đổi mới đi ngược lại ý thức về bản sắc của họ, nhất là bản sắc tôn giáo tâm linh. Vì tâm linh là cốt lõi để xác định tính xác thực và là yếu tố nhấn mạnh tính xác thực đang thay đổi như thế nào để tạo ra ý nghĩa đương đại (Andrews & Buggey, 2008; Hobsbawm, 1983; Wijesuriya, 2007). Tuy vậy, các cơ quan liên quan vẫn đang đứng từ góc độ bên ngoài cộng đồng người Chăm đã tạo ra cảm giác ‘tính chân thực của người Chăm’ cho mục đích phát triển kinh tế nhiều hơn so với nhu cầu về bảo tồn bản sắc văn hóa của cộng đồng.

Kết luận

Việc cho trình diễn lễ tục năm mới Rija Nàgar của người Chăm trên không gian đền thiêng Po Klaong Girai vào dịp tết Nguyên đán để phục vụ khách du lịch đã gây phản ứng từ cộng đồng Chăm do đã đi ngược lại với truyền thống văn hóa Chăm về không gian, thời gian, ý nghĩa, mục đích và người chủ lễ. Như vậy, tính xác thực trong văn hóa Chăm đã và đang gặp phải thách thức trước sự tác động của bên ngoài thông qua các hoạt động phát triển du lịch của chính quyền địa phương. Vì thế, rất cần sự tham gia của cộng đồng đang thực hành tâm linh trong việc quyết định và tham vấn để tránh việc xâm phạm triết lý truyền thống của tộc người trong quá trình phát huy giá trị văn hóa ở nơi thiêng liêng. Kết quả nghiên cứu này chỉ cung cấp một góc nhìn về quan điểm của cộng đồng người Chăm với việc phát triển du lịch ở nơi thiêng của họ, nên chưa thể đánh giá tổng thể các vấn đề và góc nhìn của các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Song, đây cũng là hướng gợi mở cho các công trình nghiên cứu sau này trong những bối cảnh khác nhau ở các vùng tộc người thiểu số của Việt Nam nhằm cung cấp thêm góc nhìn đa chiều, đa dạng cho mỗi nền văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- 1 Andrews, T., & Buggey, S. (2008), “Authenticity in Aboriginal Cultural Landscapes”, *APT Bulletin*, 39 (2), pp. 63-71.
2. Phan Quốc Anh (2012), “Văn hóa Chăm với phát triển du lịch ở Ninh Thuận”, trong Kỷ yếu khoa học: *Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc Chăm trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Phan Rang - Tháp Chàm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tr. 11-20.
3. Berger, P. L. (2011), *The sacred canopy: elements of a sociological theory of religion*, Open Road Integrated Media.
4. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Bruner, E. M. (1991), “Transformation of self in tourism”, *Annals of Tourism Research*, 18 (2), pp. 238-250.
6. Carmichael, D. L. (1994), *Sacred sites, sacred places*, One world archaeology, Routledge.

7. Carmichael, D. L., Hubert, J., Reeves, B. & Schanche, A. (1992), *Sacred Sites, Sacred Places*, New York: Routledge.
8. Cohen, E. (1988), “Authenticity and commoditization in tourism”, *Annals of Tourism Research*, 15 (3), pp. 371-386.
9. Cole, S. (2007), “Beyond authenticity and commodification”, *Annals of Tourism Research*, 34 (4), pp. 943-960.
10. Phan Văn Dốp, Phan Quốc Anh, Nguyễn Thị Thu (2014), *Văn hóa phi vật thể người Chăm Ninh Thuận*, Nxb. Nông Nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Du Cros, H., & McKercher, B. (2005), , “Relationship between tourism and cultural heritage management: evidence from Hong Kong”, *Tourism Management*, 26 (4), pp. 539-548.
12. Durkheim, E. (1915), *The Elementary Forms of the Religious Life*, London, UK: George Allen & Unwin Ltd.
13. Greenwood, D. (1989), “Culture by the Pound: An Anthropological Perspective on Tourism as Cultural Commodification”, In: V. Smith (Ed.), *Hosts and Guests: The Anthropology of Tourism*, 2nd ed., Vol. 2, pp. 171-185, Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
14. Hobsbawm (1983), “The Invention of Tradition”, In: E. J. Hobsbawm & T. O. Ranger (Eds.), *The Invention of Tradition*, pp. 1-14, Cambridge: Cambridge University Press.
15. Hubert, J. (1994), “Sacred Beliefs and Beliefs in Sacredness”, In: B. and S. A. David L. Carmichael, Hubert, J., Reeves (Eds.), *Sacred Sites, Sacred Places*, pp. 1-19, New York: Routledge.
16. Johnston, A. M (2006), *Is the Sacred for Sale: Tourism and Indigenous Peoples*, Routledge.
17. Medina, L. K. (2003), “Commoditizing culture: Tourism and Maya identity”, *Annals of Tourism Research*, 30 (2), pp. 353-368.
18. Poullos, I. (2014), *The Past in the Present: A Living Heritage Approach - Meteora, Greece*, Ubiquity Press.
19. Sakaya (2003), *Lễ hội của người Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
20. Sakaya (2016), *Lịch pháp của người Chăm*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
21. Salemink, O. (2013), “Appropriating culture: The politics of intangible cultural heritage in Vietnam”, In: Hue Tam H. T. & M. Sidel (Eds.), *State, Society and the Market in Contemporary Vietnam: Property, Power and Values*, pp. 158-180, New York and London: Routledge.

22. Salemink, O. (2016), “Described, Inscribed, Written Off: Heritagisation as (Dis)connection”, In: P. Taylor (Ed.), *Connected and Disconnected in Vietnam: Remarking Social Relations in a Post-socialist Nation*, pp. 311-345, Canberra: ANU Press.
23. Sarmiento, F. O., & Hitchner, S. (2017), *Indigeneity and the sacred: indigenous revival and the conservation of sacred natural sites in the Americas* (1st ed.), New York.
24. Shackley, M. (2001), “Sacred World Heritage Sites: balancing meaning with management”, *Tourism Recreation Research*, 26 (1), pp. 5-10.
25. Shaklikei (2016), *Đặt lại vấn đề lịch sử vua Po Klaong Garai*, trên trang <http://www.champaka.info/index.php/quandiem/quandiemlichsu/1342-dat> (Truy cập ngày 11/6/2018).
26. Sharpley, R. (1994), *Tourism, tourists and society*, Elm Publications.
27. Smith, L. (2006), *Uses of Heritage*, Routledge, London.
28. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (2018), *Ninh Thuận: Du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2025*, trên trang <https://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sokhdt/Pages/Ninh-Thuan-Du-lich-se-tro-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon-va-o-nam-2025.aspx> (Truy cập ngày 8/1/2022).
29. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận (2019), *Ninh Thuận: Văn hóa Chăm với phát triển Du lịch*.
30. Tilley, C. (1997), “Performing Culture in the Global Village”, *Critique of Anthropology*, 17 (1), pp. 67-89.
31. Timothy, D. J., & Nyaupane, G. P. (2009), *Cultural heritage and tourism in the developing world: A regional perspective*, Routledge.
32. Timothy, D. J., & Prideaux, B. (2004), “Issues in heritage and culture in the Asia Pacific region”, *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 9 (3), pp. 213-223.
33. Wang, N. (1999), “Rethinking authenticity in tourism experience”, *Annals of Tourism Research*, 26(2), pp. 349–370.
34. Wijesuriya, G. (2007), “Conserving Living Taonga: The Concept of Continuity”, In: D. Sully (Ed.), *Decolonizing Conservation: Caring for Maori Meeting Houses outside New Zealand (Critical Cultural Heritage Series)*, pp. 59-69, London: Left Coast Press Inc.
35. Wijesuriya, G. (2014), “Introducing People-centred approach to Conservation and Management of Hani Rice Terraces”, In: ICOMOS China (Ed.), *International Workshop on The Sustainable Development of Honghe Hani Terraces*, pp. 23-34, Mengzi.